

# Xây dựng Chuẩn đánh giá năng lực học sinh môn Giáo dục thể chất cấp Tiểu học trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Lý Quốc Biên\*<sup>1</sup>, Hà Minh Dịu<sup>2</sup>

\* Tác giả liên hệ

<sup>1</sup> Email: bienlq@gesd.edu.vn  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,  
Hà Nội, Việt Nam

<sup>2</sup> Email: haminhdieu@hpu2.edu.vn  
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2  
Số 32 đường Nguyễn Văn Linh,  
thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Đánh giá là một trong những mặt quan trọng của quá trình giáo dục, đặc biệt đối với chương trình được xây dựng theo hướng phát triển năng lực người học. Để có cơ sở đánh giá kết quả học tập cũng như năng lực của học sinh cần phải căn cứ trên Chuẩn đánh giá, trong đó có các thành tố, tiêu chí, biểu hiện và các mức độ cụ thể. Chương trình Giáo dục thể chất 2018 đã và đang được triển khai ở các cấp học thuộc hệ thống giáo dục phổ thông ở Việt Nam. Chương trình thể hiện mục tiêu môn học/cấp học; cấu trúc, nội dung; phương pháp, phương tiện dạy học và đánh giá kết quả giáo dục... được thiết kế nhằm tạo cơ hội phát triển năng lực chung cũng như các năng lực đặc thù cho học sinh trong quá trình học tập và rèn luyện tại các nhà trường phổ thông. Tuy nhiên, các yêu cầu cần đạt được thể hiện trong văn bản chương trình còn mang tính khái quát và chưa được chuẩn hóa thành các mức độ, dẫn đến những khó khăn cho giáo viên trong xây dựng kế hoạch, tổ chức đánh giá kết quả đầu ra của học sinh. Bài viết tập trung nghiên cứu cơ sở khoa học, kinh nghiệm trong nước, kinh nghiệm quốc tế, từ đó xây dựng, đề xuất Chuẩn đánh giá năng lực học sinh nhằm hỗ trợ giáo viên có căn cứ, cơ sở và công cụ đánh giá trong tổ chức dạy học môn học, góp phần đáp ứng mục tiêu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

**TỪ KHÓA:** Chương trình, Giáo dục thể chất, Chuẩn, Chuẩn đánh giá, năng lực, học sinh, cấp Tiểu học, yêu cầu cần đạt, động tác, vận động cơ bản, thể thao, thực hiện.

→ Nhận bài 27/9/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 02/11/2023 → Duyệt đăng 25/11/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12320316>

## 1. Đặt vấn đề

Chương trình môn Giáo dục thể chất trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học đã được xây dựng, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 và hiện đang triển khai trong các cấp/lớp học thuộc hệ thống giáo dục phổ thông ở Việt Nam. Bên cạnh mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện giáo dục được thể hiện trong chương trình thì khâu đánh giá kết quả giáo dục cũng thực sự quan trọng. Thông qua các hoạt động đánh giá để xác định các mức độ đạt được về phẩm chất và năng lực của học sinh trên cơ sở mục tiêu đã đề ra của môn học. Chương trình đã thể hiện phần nào các yêu cầu cần đạt đối với học sinh sau mỗi nội dung, giai đoạn học tập. Tuy nhiên, các yêu cầu cần đạt này còn thể hiện tính khái quát cao, chưa cụ thể vào từng nội dung/bài học cũng như mức độ đánh giá để giáo viên có căn cứ, nhận định và phân loại học sinh. Từ đó, giáo viên có những giải pháp nhằm hỗ trợ, giúp đỡ những học sinh còn yếu kém, nâng cao khả năng cho những học sinh có năng khiếu, đáp ứng đúng yêu cầu của công tác

kiểm tra, đánh giá trong chương trình là coi trọng sự tiến bộ của học sinh. Một số thông tư, công văn hướng dẫn đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ mang tính chất hướng dẫn tổng thể và khái quát cho tất cả các môn học. Điều này gây nhiều khó khăn cho giáo viên trong công tác tổ chức đánh giá kết quả học tập của học sinh. Để khắc phục tình trạng trên, cần thiết phải xây dựng bộ Chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trên cơ sở các yêu cầu cần đạt được đưa ra trong chương trình, trong đó cụ thể hóa thành các biểu hiện và được chia thành các mức độ đánh giá, để giáo viên có căn cứ tổ chức đánh giá cũng như phân loại học sinh sau mỗi giai đoạn giáo dục hoặc cuối kì, cuối năm học, đáp ứng được mục tiêu của chương trình.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng Chuẩn đánh giá năng lực môn Giáo dục thể chất cấp Tiểu học

#### 2.1.1. Kinh nghiệm quốc tế

a. Chương trình Giáo dục sức khỏe và thể chất ở Bang Ontario, Canada (2019)

Chuẩn trong chương trình giảng dạy của Bang Ontario

được xây dựng bài bản và có thiết kế khung chung cho toàn Bang. Việc đánh giá, xếp loại kết quả học tập của học sinh sẽ dựa trên cả chuẩn nội dung và chuẩn thực hiện. Chuẩn nội dung là các kì vọng tổng thể và chi tiết được xác định trong chương trình. Chuẩn thực hiện là các bảng tiêu chí yêu cầu mức độ về thành tích học sinh kì vọng sẽ đạt được. Chuẩn trong chương trình Bang Ontario xác định các kì vọng cho mỗi lớp và mô tả kiến thức, kĩ năng mong đợi có được dựa trên bốn tiêu chí cơ bản: Kĩ năng học tập, cảm xúc - xã hội; Sống tích cực; Năng lực di chuyển, kĩ năng, khái niệm và chiến lược; Sống lành mạnh. Mỗi tiêu chí bao gồm các kì vọng tổng thể và kì vọng cụ thể, được liệt kê cho từng nội dung/mạch kiến thức trong chương trình. Các tiêu chí này có mối quan hệ và đan xen, lồng ghép với nhau. Vì vậy, các kì vọng tổng thể được lặp lại liên tục và xuyên suốt các giai đoạn giáo dục [1] (xem Bảng 1).

*b. Chuẩn trong Chương trình Giáo dục thể chất ở Singapore (PE) [2]*

Đánh giá là một phương tiện quan trọng của việc cung cấp phản hồi cho giáo viên về hiệu quả của dạy và học. Kiểm tra kết quả học tập và thái độ là hai hình thức đánh giá chủ yếu được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong môn Giáo dục thể chất ở Singapore.

- Các tiêu chí đánh giá cung cấp cách nhìn nhận về khả năng, điểm mạnh của học sinh và các lĩnh vực cần phải khắc phục, cải thiện. Học sinh tiêu biểu có thể chia sẻ công việc của mình hoặc các minh chứng thể hiện sự nỗ lực, tiến bộ trong một khoảng thời gian nhất định, được tham gia vào việc tự đánh giá kết quả học tập của

bản thân. Giáo viên tạo điều kiện, hướng dẫn và lựa chọn dự định để cung cấp thông tin, dữ liệu hỗ trợ cho học sinh.

- Nội dung kiểm tra đánh giá bao gồm tất cả các bước cho một bài kiểm tra hoặc các hoạt động để xác định học sinh có tập luyện đầy đủ không. Hoạt động này chỉ đơn giản là ghi lại các buổi đi học hoặc vắng mặt. Giáo viên căn cứ vào những chứng cứ được mô tả nhằm đánh giá kết quả học tập của học sinh thể hiện các tiêu chí để đánh giá và mô tả cho các mức độ khác nhau mà học sinh đạt được. Các mô tả chứng cứ này cung cấp các thông tin phản hồi về mức độ chất lượng (tốt như thế nào) mà học sinh đã thực hiện và quá trình cố gắng của bản thân (những gì học sinh có thể làm để cải thiện tình hình, từ đó nâng cao nhận thức, phát huy điểm mạnh và khắc phục, xử lí những vấn đề tồn tại. Khung đánh giá thể hiện các mức độ như sau: Loại A: Có kiến thức và kĩ năng rất tốt trong các hoạt động về thể chất và thể hiện rõ đặc điểm tích cực; Loại B: Có đầy đủ kiến thức và kĩ năng trong các hoạt động về thể chất và thể hiện điểm tích cực; Loại C: Có một số kiến thức và kĩ năng trong các hoạt động về thể chất và thể hiện điểm tích cực; Loại S: Miễn khi có lí do đặc biệt hoặc vấn đề sức khỏe.

**2.1.2. Kinh nghiệm trong nước**

Trước năm 2006, các chương trình giáo dục phổ thông nói chung cũng như cấp Tiểu học nói riêng của Việt Nam (trong đó có môn Thể dục), chủ yếu chỉ đề cập đến mục tiêu và kế hoạch đào tạo, không đề cập đến thuật ngữ Chuẩn. Nhưng mục tiêu cấp học đã được cụ

**Bảng 1: Tiêu chí Chuẩn đánh giá Giáo dục sức khỏe và thể chất**

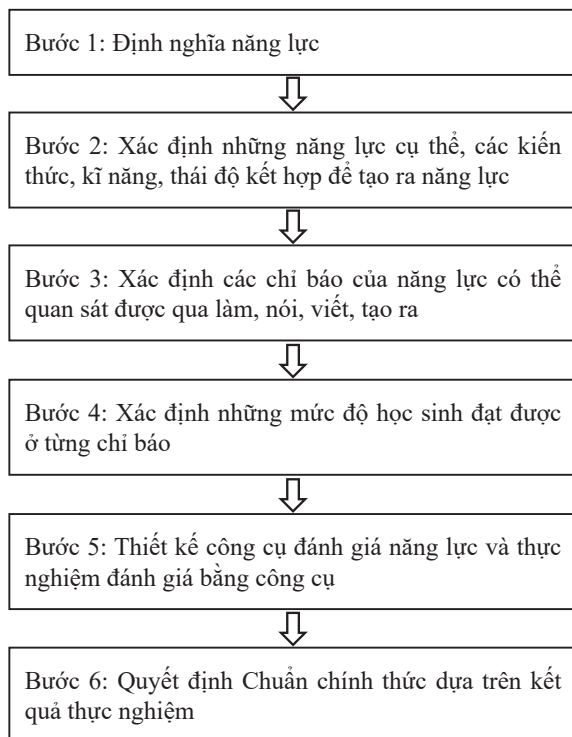
Tiêu chí và chỉ báo Chuẩn Giáo dục sức khỏe và thể chất			
<b>Tiêu chí A: Kĩ năng học tập cảm xúc-xã hội</b> - Nhận biết và quản lí được cảm xúc - Quản lí và đối phó với căng thẳng - Động lực và sự kiên trì - Mối quan hệ lành mạnh - Tự nhận thức và ý thức nhận ra cảm xúc của bản thân - Tư duy phân biện và sáng tạo	<b>Tiêu chí B: Sống lành mạnh</b>		
	B1. Thái độ tham gia tích cực - Tham gia thường xuyên, đa dạng, hoạt động suốt đời - Niềm vui, động lực	B2. Rèn luyện thể chất - Phát triển thể chất thông qua các hoạt động rèn luyện hằng ngày, kế hoạch tập luyện cá nhân	B3. An toàn - An toàn cho bản thân và những người khác trong rèn luyện thể chất
	<b>Tiêu chí C: Năng lực di chuyển, kĩ năng, khái niệm và chiến lược</b>		
	C1. Khái niệm và kĩ năng vận động - Kĩ năng vận động ổn định, chuyển động và thao tác	C2. Chiến lược vận động - Các thành phần của hoạt động thể chất - Chiến lược và chiến thuật trong mọi hoạt động thể chất	
	<b>Tiêu chí D: Sống lành mạnh</b>		
	D1. Hiểu được khái niệm về sức khỏe - Hiểu được các yếu tố góp phần nâng cao và phát triển thể chất	D2. Lựa chọn lành mạnh - Áp dụng kiến thức về sức khỏe, đưa ra quyết định về sức khỏe và hạnh phúc của bản thân	D3. Tạo sự kết nối với cuộc sống lành mạnh - Tạo sự kết nối giữa sức khỏe hạnh phúc cá nhân với người khác và thế giới xung quanh
Kì vọng về lối sống lành mạnh tập trung vào năm chủ đề sức khỏe sau đây, trong đó học tập về sức khỏe tâm thần và hạnh phúc là một phần của chương trình giảng dạy: 1. Ăn uống lành mạnh; 2. An toàn cá nhân và tai nạn thương tích; 3. Sử dụng chất gây nghiện và các hành vi liên quan; 4. Phát triển cơ thể và sức khỏe tình dục; 5. Hiểu biết về sức khỏe tâm thần.			

thể hóa và được diễn đạt dưới dạng các yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng và thái độ.

Năm 2006, lần đầu tiên ở Việt Nam có Chuẩn kiến thức - kĩ năng ở chương trình môn Thể dục cấp Tiểu học [3]. Hệ thống Chuẩn này được xây dựng trong khoảng 3 - 4 năm (nhưng chưa có điều kiện thử nghiệm và điều chỉnh). Trong đó, đã đưa ra một số quan niệm cụ thể về Chuẩn, xác định Chuẩn là những yêu cầu, tiêu chí tuân thủ những nguyên tắc nhất định, được dùng để làm thước đo, đánh giá hoạt động, công việc, sản phẩm của lĩnh vực và được vận dụng vào thực tiễn dạy học môn Thể dục cấp Tiểu học. Sau một giai đoạn hay một nội dung học tập, khi học sinh đạt được những yêu cầu về chuẩn này tức là đã đạt được mục tiêu mong muốn. Trong môn học thiên về thực hành như môn Thể dục, Chuẩn kiến thức, kĩ năng được thể hiện rõ nét, phần nào đó thuận lợi cho giáo viên trong việc xác định và đánh giá mức độ hoàn thành nội dung học tập của học sinh.

Năm 2011, khi định hướng giáo dục phát triển năng lực và phẩm chất bắt đầu hình thành và được tiếp cận đã xuất hiện một số công trình nghiên cứu về vấn đề này [4]. Tuy nhiên, chủ yếu mang tính chất nghiên cứu lí luận cơ bản và chưa đi sâu, cụ thể hóa vào các môn học, đặc biệt là đối với môn học có tính chất đặc thù như Giáo dục thể chất (Thể dục).

Năm 2014, Nguyễn Thị Hạnh với đề tài cấp Bộ về “Phương pháp thiết kế chuẩn của môn học đối với cấp học, lớp học theo định hướng phát triển năng lực” [5]. Quá trình nghiên cứu của đề tài đã được



Hình 1: Quy trình xây dựng Chuẩn đánh giá môn học

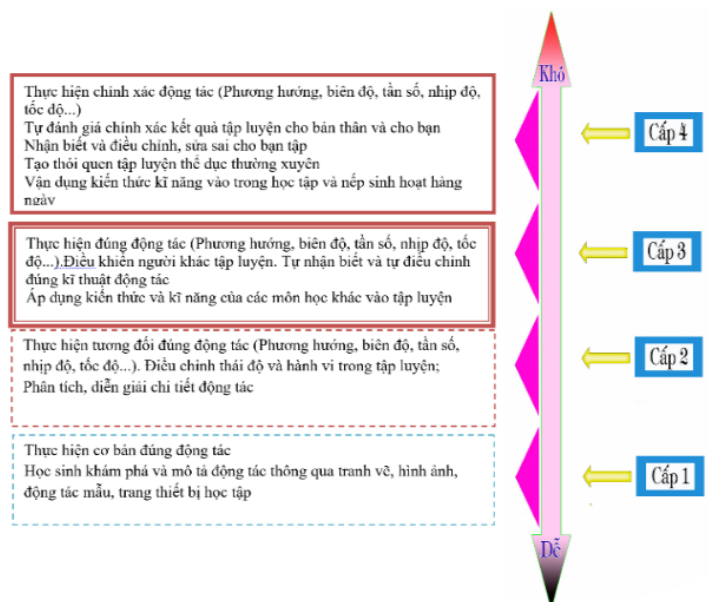
minh họa ở một số môn trong đó có môn Thể dục cấp Tiểu học, đạt được một số kết quả như sau (xem Hình 1, Hình 2):

- Xác định và làm rõ quan niệm, vai trò và chức năng của chuẩn môn học.
- Nghiên cứu và xác định được cơ sở khoa học trong xây dựng chuẩn môn học.
- Đề xuất phương pháp thiết kế Chuẩn môn học gồm 6 bước: Bước 1 - Định nghĩa về năng lực; Bước 2 - Xác định các hợp phần và thành tố tạo nên năng lực; Bước 3 - Xác định chỉ báo năng lực thành phần; Bước 4 - Xác định và phân chia các mức chất lượng; Bước 5 - Thiết kế bộ công cụ đánh giá chuẩn; Bước 6 - Thử nghiệm, khảo sát và điều chỉnh Chuẩn.

Bên cạnh đó, việc đánh giá phẩm chất, năng lực cho học sinh cấp Tiểu học đã và đang được thực hiện ở một số công trình. Ví dụ, Đề tài cấp Nhà nước do Nguyễn Công Khanh và cộng sự thực hiện (2017-2019) nghiên cứu về cơ sở khoa học của đánh giá học sinh tiểu học [6]. Kết quả nghiên cứu sơ bộ đã xây dựng được khung đánh giá, thang đo năng lực chung, năng lực đặc thù và các phẩm chất chủ yếu minh họa cho học sinh lớp 1 - 2, được cụ thể hóa bằng các tiêu chí, chỉ báo, chỉ số và minh chứng về biểu hiện hành vi của học sinh trong môn học, bao gồm: khung năng lực, công cụ đánh giá, cách thức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá.

### 2.1.3. Cơ sở pháp lí

Chương trình môn Giáo dục thể chất (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT- BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) quy định về đánh giá kết quả giáo dục về cơ bản có sự tương đồng với các đặc điểm sau [7]:



Hình 2: Trục phát triển năng lực môn học

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh ở các môn học nhằm cung cấp thông tin một cách chuẩn xác và kịp thời, thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt được đưa ra trong chương trình và sự tiến bộ của học sinh qua mỗi giai đoạn học tập; qua đó, điều chỉnh các hoạt động dạy học để nâng cao chất lượng dạy học môn học. Giáo viên đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh dựa vào các yêu cầu cần đạt; phối hợp đánh giá định tính với đánh giá định lượng, đánh giá chẩn đoán với đánh giá quá trình ở các mặt học tập, luyện tập, biểu diễn, sáng tạo để nhìn nhận và đánh giá chính xác được sự tiến bộ của học sinh về ý thức, thái độ và năng lực đặc thù qua các giai đoạn giáo dục. Một số hình thức đánh giá như sau:

**Đánh giá chẩn đoán:** Triển khai vào giai đoạn đầu của quá trình dạy học. Giáo viên thu thập những thông tin, minh chứng về kiến thức và kỹ năng theo môn học của học sinh, những điểm mạnh và nhu cầu, hướng phát triển của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch điều chỉnh các phương pháp phù hợp.

**Đánh giá thường xuyên:** Là đánh giá xuyên suốt quá trình dạy học.

**Đánh giá định kì (đánh giá tổng kết):** Đánh giá vào cuối kì hoặc cuối mỗi giai đoạn dạy học.

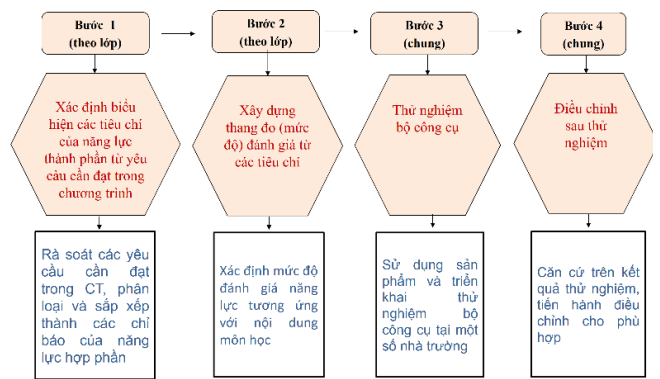
**Đánh giá định tính:** Là những mô tả, nhận xét hoặc biểu thị bằng chữ viết. Giáo viên sử dụng để đánh giá chẩn đoán và đánh giá thường xuyên không chính thức. Đánh giá định tính được sử dụng chủ yếu ở cấp Tiểu học. Bên cạnh đó, học sinh sử dụng hình thức này để tự đánh giá bản thân.

Trong phạm vi môn học, việc đánh giá học sinh đã được một số dự án thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo đã biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn hướng dẫn, trong đó có chú trọng đến đánh giá năng lực của học sinh thông qua môn học. Đặc biệt, Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT đã đưa ra các quy định về đánh giá năng lực đặc thù của học sinh theo các mức Tốt; Đạt; Cần cố gắng [8]. Tuy nhiên, do chưa có các nghiên cứu một cách hệ thống và bài bản về Chuẩn đánh giá và đánh giá năng lực nên giáo viên vẫn còn gặp nhiều hạn chế và khó khăn trong việc triển khai đánh giá năng lực theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

## 2.2. Xây dựng Chuẩn đánh giá năng lực môn Giáo dục thể chất cấp Tiểu học trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

### 2.2.1. Quy trình xây dựng Chuẩn đánh giá năng lực môn Giáo dục thể chất cấp Tiểu học trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Trên cơ sở lí luận, kinh nghiệm quốc tế và trong nước về xây dựng Chuẩn/Chuẩn đánh giá năng lực liên quan đến môn học; Cơ sở pháp lí và mục tiêu, yêu cầu cần đạt trong Chương trình Giáo dục thể chất 2018, đề tài



Hình 3: Quy trình xây dựng Chuẩn đánh giá

xác định quy trình xây dựng Chuẩn đánh giá năng lực môn Giáo dục thể chất cấp Tiểu học bao gồm các bước sau (xem Hình 3):

**Bước 1. Xác định chỉ báo của các năng lực hợp phần:** Rà soát các yêu cầu cần đạt trong chương trình, phân loại và sắp xếp thành các tiêu chí của mỗi năng lực thành phần.

**Bước 2. Xây dựng thang đo (mức độ) đánh giá từ các tiêu chí:** Xác định mức độ đánh giá năng lực tương ứng với nội dung môn học.

**Bước 3. Thử nghiệm Bộ công cụ:** Sử dụng sản phẩm và triển khai thử nghiệm bộ công cụ tại một số nhà trường.

**Bước 4. Điều chỉnh sau thử nghiệm:** Căn cứ trên kết quả thử nghiệm, tiến hành điều chỉnh Chuẩn cho phù hợp.

### 2.2.2. Chuẩn đánh giá năng lực môn Giáo dục thể chất cấp Tiểu học trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Trên cơ sở Quy trình xây dựng Chuẩn, nghiên cứu đã tiến hành các bước và xây dựng Chuẩn đánh giá năng lực cho học sinh tiểu học từ lớp 1 đến lớp 5. Nhóm tác giả xin trích lược một số tiêu chí/mức độ đánh giá năng lực được minh họa ở lớp 1 và lớp 5 như sau (xem Bảng 2).

Có ba mức đối với mỗi năng lực thành phần theo ba cấp độ tăng dần: Mức đạt, mức khá, mức tốt; mức cao hơn đã bao gồm các yêu cầu ở mức thấp hơn liền kề. Trong đó:

**Cột năng lực:** Là các năng lực thành phần của năng lực thể chất được quy định trong chương trình môn học.

**Cột biểu hiện:** Là các biểu hiện chi tiết của các năng lực thành phần.

**Cột nội dung:** Là các nội dung tương ứng với các biểu hiện của năng lực thành phần.

**Cột mức độ đánh giá:** Là sự cụ thể hóa thành các mức độ từ các biểu hiện của năng lực thành phần và tương ứng với các nội dung trong chương trình.

**Bảng 2: Minh họa một số tiêu chí/mức độ đánh giá năng lực**

LỚP 1			
Năng lực	Biểu hiện	Nội dung	Mức độ đánh giá
NL 1.1 Chăm sóc sức khỏe	NL 1.1.1. Biết và bước đầu thực hiện được vệ sinh chung và vệ sinh trong tập luyện thể dục thể thao.	ND 1.1 Vệ sinh sân tập, vệ sinh dụng cụ	M3: Khi làm vệ sinh sân tập biết đeo khẩu trang, dùng chổi có cán; biết sắp xếp các dụng cụ trong phòng tập, sân tập ngăn nắp, hợp lí. M2: Biết vệ sinh địa điểm luyện tập và chuẩn bị dụng cụ cần thiết trước buổi tập. M1: Bước đầu biết thực hiện vệ sinh sân tập sạch sẽ, thoáng mát trước buổi tập; liệt kê được tên dụng cụ cần chuẩn bị cho tiết học.
	NL 1.2 Vận động cơ bản	ND 2.1 Đội hình đội ngũ	M3: Thực hiện cơ bản đúng các tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ; tập hợp đội hình hàng dọc, hàng ngang; động tác quay các hướng; chủ động tham gia các trò chơi vận động rèn luyện đội hình đội ngũ; bước đầu hình thành thói quen tập thể dục. M2: Nhớ được tên động tác, tên trò chơi vận động; thực hiện được các tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ; tập hợp đội hình hàng dọc, hàng ngang; động tác quay các hướng; tích cực, tự giác tham gia các trò chơi vận động rèn luyện đội hình đội ngũ. M1: Biết cách và quan sát tranh ảnh, động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện; xác định được tư thế, phương hướng, biên độ động tác; nêu được tên động tác, tên trò chơi vận động; bước đầu biết cách và thực hiện được các tư thế đứng nghiêm, nghỉ; tập hợp hàng dọc, hàng ngang; động tác quay các hướng; bước đầu biết cách và thực hiện được các trò chơi vận động rèn luyện đội hình đội ngũ; hoàn thành lượng vận động trong giờ học.
	NL 1.2.2. Thực hiện được các động tác rèn luyện tư thế, tác phong, các hướng chuyển động của cơ thể, các trò chơi rèn luyện đội hình.		
	NL 1.2.3. Có ý thức thường xuyên vận động để phát triển các tố chất thể lực.		
	NL 1.2.4. Nhận biết và xác định được các động tác rèn luyện tư thế cơ bản, phương hướng, biên độ chuyển động của các bộ phận trên cơ thể, các trò chơi rèn luyện tư thế, khéo léo.	ND 2.2 Bài tập thể dục	M3: Nhớ được thứ tự các động tác trong bài tập thể dục; thực hiện cơ bản đúng các động tác của bài tập thể dục; chủ động tham gia trò chơi rèn luyện tư thế và khéo léo; bước đầu hình thành thói quen tập thể dục. M2: Nhớ được tên động tác, tên trò chơi vận động; thực hiện được các động tác của bài tập thể dục; tích cực tham gia các trò chơi rèn luyện tư thế và khéo léo. M1: Biết cách và quan sát tranh ảnh và động tác làm mẫu của giáo viên để luyện tập; xác định được tư thế, phương hướng, biên độ động tác; nêu được tên động tác, tên trò chơi vận động; bước đầu biết cách và thực hiện được các động tác của bài tập thể dục; bước đầu biết cách và thực hiện được các trò chơi vận động rèn luyện tư thế, khéo léo; hoàn thành lượng vận động của bài tập.
	NL 1.2.5. Thực hiện được các động tác rèn luyện tư thế cơ bản, phương hướng, biên độ chuyển động của các bộ phận trên cơ thể, các trò chơi rèn luyện tư thế, khéo léo.		
	NL 1.2.6. Có ý thức thường xuyên vận động để phát triển các tố chất thể lực.		
	NL 1.2.7. Nhận biết và xác định được các tư thế hoạt động vận động cơ bản, phối hợp vận động của cơ thể, các trò chơi rèn luyện kĩ năng vận động và phản xạ.	ND 2.3 Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản	M3: Thực hiện cơ bản đúng các tư thế hoạt động vận động cơ bản của đầu, cổ, tay, chân; các hoạt động vận động phối hợp của cơ thể; chủ động tham gia các trò chơi vận động rèn luyện kĩ năng vận động và phản xạ; bước đầu hình thành thói quen tập thể dục. M2: Nhớ được tên động tác, tên trò chơi vận động; thực hiện được các tư thế hoạt động vận động cơ bản của đầu, cổ, tay, chân; các hoạt động vận động phối hợp của cơ thể; tích cực tham gia các trò chơi vận động rèn luyện kĩ năng vận động và phản xạ. M1: Biết quan sát tranh ảnh và động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện; nêu được tên các động tác, tên trò chơi vận động; xác định được tư thế, phương hướng, biên độ động tác; bước đầu biết cách và thực hiện được các tư thế hoạt động vận động cơ bản của đầu, cổ, tay, chân; bước đầu biết cách và thực hiện được các trò chơi vận động rèn luyện kĩ năng vận động và phản xạ; hoàn thành lượng vận động của bài tập.
	NL 1.2.8. Thực hiện được các tư thế hoạt động vận động cơ bản, phối hợp vận động của cơ thể, các trò chơi rèn luyện kĩ năng vận động và phản xạ		
	NL 1.2.9. Có ý thức thường xuyên vận động để phát triển các tố chất thể lực.		
NL 1.3 Hoạt động thể dục thể thao	NL 1.3.1. Nhận biết được vai trò của hoạt động thể dục thể thao đối với cơ thể.	ND 3.1 Môn thể thao tự chọn	M3: Thực hiện cơ bản đúng các động tác của nội dung thể thao được học; chủ động tham gia các trò chơi vận động bổ trợ môn thể thao ưa thích. M2: Thực hiện được các động tác của nội dung thể thao được học; nhớ được tên các động tác, tên trò chơi vận động; tích cực tham gia các trò chơi vận động bổ trợ môn thể thao ưa thích. M1: Biết quan sát tranh ảnh và động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện; nêu được tên các động tác, tên trò chơi vận động; xác định được tư thế, phương hướng, biên độ động tác; bước đầu biết cách và thực hiện được các động tác cơ bản của nội dung thể thao được học; bước đầu biết cách và thực hiện được các trò chơi vận động bổ trợ môn thể thao ưa thích; hoàn thành lượng vận động của bài tập.
	NL 1.3.2. Thực hiện được kĩ thuật cơ bản của một số nội dung thể thao phù hợp với bản thân; các trò chơi vận động bổ trợ môn thể thao ưa thích.		
	NL 1.3.3. Tự giác, tích cực trong tập luyện thể dục thể thao.		

<b>LỚP 5</b>			
<b>Năng lực</b>	<b>Biểu hiện</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Mức độ đánh giá</b>
NL 1.1 Chăm sóc sức khoẻ	NL.1.1.1. Biết và bước đầu thực hiện được chế độ ăn uống đảm bảo dinh dưỡng trong tập luyện.	ND 1.1 Chế độ dinh dưỡng	M3: Thực hiện được các hướng dẫn về chế độ ăn uống dinh dưỡng trong tập luyện và vận động. M2: Biết cách thực hiện chế độ dinh dưỡng và các bữa ăn hợp lí. M1: Nhận biết được các loại thức ăn và khẩu phần cơ bản của các bữa ăn trong ngày.
NL 1.2 Vận động cơ bản	NL 1.2.1. Nhận biết và xác định các động tác rèn luyện tư thế, tác phong, các hướng chuyển động của cơ thể, cách biến đổi đội hình, động tác đi đều theo nhịp, động tác đi đều vòng các hướng, các trò chơi rèn luyện đội hình đội ngũ.  NL 1.2.2. Thực hiện được các động tác rèn luyện tư thế, tác phong, các hướng chuyển động của cơ thể, cách biến đổi đội hình, động tác đi đều theo nhịp, động tác đi đều vòng các hướng, các trò chơi rèn luyện đội hình đội ngũ.  NL 1.2.3. Có ý thức thường xuyên vận động để phát triển các tổ chất thể lực.  NL 1.2.4. Nhận biết và xác định được các động tác thể dục kết hợp sử dụng các đạo cụ (cờ, hoa, vòng, gậy,...), các trò chơi rèn luyện tư thế, khéo léo.  NL 1.2.5. Thực hiện được các động tác bài thể dục về phương hướng, biên độ chuyển động của các bộ phận trên cơ thể, các trò chơi rèn luyện tư thế, khéo léo.  NL 1.2.6. Có ý thức thường xuyên vận động để phát triển các tổ chất thể lực.	ND 2.1 Đội hình đội ngũ    ND 2.2 Bài tập thể dục	M3: Tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp; bước đầu biết và vận dụng được kiến thức, kĩ năng được học vào các hoạt động tập thể. M2: Thực hiện cơ bản đúng các nội dung đội hình đội ngũ đã được học; xử lí được một số tình huống trong tập luyện; biết sửa sai thông qua nghe, quan sát và tập luyện. M1: Nhớ được tên động tác, tên các trò chơi vận động; thực hiện được các nội dung đội hình đội ngũ đã được học; thực hiện được các trò chơi vận động rèn luyện đội hình đội ngũ; hoàn thành lượng vận động theo yêu cầu.   M3: Thực hiện tương đối nhịp nhàng các động tác của bài tập thể dục có kết hợp với đạo cụ; biết và tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp với yêu cầu; bước đầu vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào các hoạt động tập thể. M2: Nhớ được thứ tự các động tác trong bài tập thể dục có kết hợp với đạo cụ; thực hiện cơ bản đúng các động tác của Bài tập thể dục có kết hợp với đạo cụ; biết cách và xử lí được một số tình huống; biết sửa sai thông qua nghe, quan sát và tập luyện. M1: Nhớ được tên động tác trong bài tập thể dục có kết hợp với đạo cụ, tên các trò chơi vận động; thực hiện được các động tác của bài tập thể dục có kết hợp với đạo cụ; thực hiện được các trò chơi vận động rèn luyện tư thế, khéo léo; hoàn thành lượng vận động theo yêu cầu.
	NL 1.2.7. Nhận biết và xác định được các bài tập rèn luyện kĩ năng lăn, lộn, leo, trèo, các trò chơi rèn luyện kĩ năng phối hợp vận động.  NL 1.2.8. Thực hiện được các bài tập rèn luyện kĩ năng lăn, lộn, leo, trèo, các trò chơi rèn luyện kĩ năng phối hợp vận động.  NL 1.2.9. Có ý thức thường xuyên vận động để phát triển các tổ chất thể lực.	ND 2.3 Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản	M3: Tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp với yêu cầu; bước đầu vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào các hoạt động tập thể. M2: Thực hiện cơ bản đúng các bài tập rèn luyện kĩ năng lăn, lộn; các bài tập rèn luyện kĩ năng leo, trèo; xử lí được một số tình huống trong tập luyện; biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện. M1: Nhớ được tên các động tác, tên trò chơi vận động; thực hiện được các bài tập rèn luyện kĩ năng lăn, lộn; các bài tập rèn luyện kĩ năng leo, trèo; thực hiện được các trò chơi vận động rèn luyện kĩ năng vận động và phản xạ; hoàn thành lượng vận động của bài tập.
NL 1.3 Hoạt động thể dục thể thao	NL 1.3.1. Nhận biết được vai trò của hoạt động thể dục thể thao đối với cơ thể.  NL 1.3.2. Thực hiện được kĩ thuật cơ bản của một số nội dung thể thao phù hợp với bản thân; các trò chơi vận động bổ trợ môn thể thao ưa thích  NL 1.3.3. Tự giác, tích cực trong tập luyện thể dục thể thao.	ND 3.1 Môn Thể thao tự chọn	M3: Tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp với yêu cầu; bước đầu vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào các hoạt động tập thể; thường xuyên tập luyện thể dục thể thao. M2: Thực hiện cơ bản đúng các động tác của nội dung thể thao ưa thích; xử lí được một số tình huống trong tập luyện; biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện. M1: Nhớ được tên các động tác, tên trò chơi vận động; thực hiện được các động tác cơ bản của nội dung thể thao ưa thích; thực hiện được các trò chơi vận động bổ trợ môn thể thao ưa thích; hoàn thành lượng vận động của bài tập.

*(Chú thích: NL: Năng lực; ND: Nội dung; M: Mức)*

**3. Kết luận**

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và trong nước về xây dựng Chuẩn đánh giá môn học, nghiên cứu cơ sở pháp lí và mối liên hệ giữa Chuẩn với yêu cầu

cần đạt trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nghiên cứu đề xuất bộ Chuẩn đánh giá năng lực môn Giáo dục thể chất cấp Tiểu học. Bộ Chuẩn bao gồm các tiêu chí, chỉ báo và mức độ đánh giá với những biểu

hiện, minh chứng cụ thể tương ứng với nội dung và các yêu cầu cần đạt được đưa ra trong chương trình. Sau khi hoàn thành, sản phẩm được đưa vào thử nghiệm tại một số trường tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội và được điều chỉnh, bổ sung. Trên cơ sở đó sẽ có những đề xuất, tham mưu cụ thể hóa thành các văn bản, tài liệu hướng dẫn và được triển khai trong thực tiễn dạy học. Đây có thể coi là cảm nang, cơ sở để giáo viên tham khảo trong xây dựng kế hoạch dạy học, thiết kế kế hoạch bài dạy và tổ chức đánh giá kết quả học tập cũng

như đánh giá năng lực học sinh trong dạy học môn học Giáo dục thể chất cấp Tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

**Lời cảm ơn:** Bài viết là sản phẩm thuộc Đề tài Chuẩn “Nghiên cứu xây dựng Chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong môn Giáo dục thể chất và Nghệ thuật cấp Tiểu học trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018”, mã số CT.2022.10.VKG.08.

#### Tài liệu tham khảo

- |  |   |
|--|---|
| <p>[1] Ontario, Canada, (2019), <i>Health and Physical Education Curriculum</i>.</p> <p>[2] Korea, (2007), <i>Physical Education Curriculum</i>.</p> <p>[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2006), <i>Chương trình Giáo dục phổ thông môn Thể dục</i>.</p> <p>[4] Lương Việt Thái, (2011), <i>Phát triển chương trình theo định hướng phát triển năng lực</i>, Tạp chí Khoa học Giáo dục.</p> <p>[5] Nguyễn Thị Hạnh, (2014), <i>Phương pháp thiết kế chuẩn kết quả của môn học đối với cấp học, lớp học của giáo</i></p> | <p><i>dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực</i>, B2014 - 37 - 01NV.</p> <p>[6] Nguyễn Công Khanh, (2019-2020), <i>Đánh giá học sinh tiểu học theo tiếp cận năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông</i>, mã số KHGD/16-20.016.</p> <p>[7] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), <i>Chương trình Giáo dục phổ thông môn Giáo dục thể chất</i>.</p> <p>[8] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2020), <i>Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học</i>.</p> |
|--|---|

## DEVELOPING ASSESSMENT STANDARDS OF COMPETENCIES IN PHYSICAL EDUCATION OF PRIMARY SCHOOL IN THE 2018 GENERAL EDUCATION CURRICULUM

Ly Quoc Bien\*<sup>1</sup>, Ha Minh Dieu<sup>2</sup>

\* Corresponding author

<sup>1</sup> Email: bienlq@gesd.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences  
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem,  
Hanoi, Vietnam

<sup>2</sup> Email: haminhdieu@hpu2.edu.vn

Hanoi Pedagogical University 2  
No. 32 Nguyen Van Linh street, Phuc Yen city,  
Vinh Phuc province, Vietnam

**ABSTRACT:** Evaluation is a vital aspect of the educational process, especially in a competence-based curriculum. To accurately assess students' learning and competencies, it's essential to use assessment standards with specific elements, criteria, manifestations, and levels. The 2018 Physical education subject is being implemented at all levels of the general education system in Vietnam. This curriculum outlines subject/level goals, structure, content, teaching methods, facilities, and assessment of educational results. It is designed to provide students with the opportunity to develop general and specific competencies throughout their learning and practice in schools. However, the curriculum's requirements are still general and haven't been standardized, making it difficult for teachers to plan and organize examinations and evaluate students' learning outcomes. To address this issue, the article focuses on researching the scientific basis, national and international experiences, and proposes pupils' competence assessment standards. These standards aim to provide teachers with a basis and assessment tools to organize subject teaching, contributing to achieving the goals of the 2018 General Curriculum.

**KEYWORDS:** Curriculum, Physical education, standard, evaluation standards, competence, pupil, primary school, requirements, movements, basic movement, sport, performance.